

BÁO CÁO
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2011-2015

Thực hiện Công văn số 7888/UBND-VHXXH, ngày 27/10/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ban hành Kế hoạch tổng kết Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015, nhằm đánh giá kết quả giảm nghèo thông qua việc thực thi các chính sách của Chính Phủ đối với người nghèo, vùng nghèo trên địa bàn huyện. Qua đó, rút ra những mặt được, chưa được, những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình triển khai thực hiện chương trình. Ban chỉ đạo giảm nghèo và việc làm huyện Krông Năng báo cáo tổng kết 5 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2016-2020 với những nội dung cụ thể như sau:

A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Đặc điểm tình hình chung

Huyện Krông Năng được thành lập năm 1987, với diện tích tự nhiên 61.479 ha; dân số đến năm 2010 là 26.467 hộ, 119.966 khẩu; có 12 đơn vị hành chính (gồm 11 xã và 1 thị trấn) điều thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, trong đó có 4 xã thuộc vùng III. Trên địa bàn có 23 dân tộc sinh sống với nhiều phong tục tập quán khác nhau, đã ảnh hưởng không ít đến công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Trong 5 năm qua tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 8,95%. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tuy còn tìm ẩn những phức tạp nhưng vẫn được giữ vững. Các lĩnh vực xã hội như: Y tế, giáo dục, xoá đói giảm nghèo đã có nhiều tiến bộ đáng kể. Cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư có trọng điểm, phát huy tốt hiệu quả, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể, nhất là người nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.

Tính đến cuối năm 2015, tổng số hộ dân toàn huyện là 28.336 hộ, dân số 130.034 người; số hộ nghèo, hộ cận nghèo qua điều tra theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2011-2015 đến cuối năm 2015 là 871 hộ, tỷ lệ 3,07% trên tổng số hộ dân, hộ cận nghèo 606 hộ, tỷ lệ 2,14% (số liệu điều tra hộ nghèo tháng 12/2015); hộ dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 30% trên tổng số hộ dân toàn huyện.

Về thuận lợi:

Trong 5 năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Huyện Ủy, HĐND, UBND huyện; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể các cấp trên địa bàn huyện; sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh. Ban chỉ đạo giảm nghèo và việc làm huyện Krông Năng, đã giúp cho Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện các chương trình có hiệu quả. Mặt khác, đa số hộ dân đến nay đã ý thức được việc tự tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm, áp dụng khoa học vào trong sản xuất để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Từ đó đã góp phần tích cực vào công tác xoá đói, giảm nghèo của địa phương.

Về khó khăn:

Huyện Krông Năng có vị trí địa lý không thuận lợi, cách xa trung tâm tỉnh Đắk Lắk. Do xuất phát điểm thấp, cuối năm 2010 số hộ nghèo qua điều tra, rà soát toàn huyện có: 4.655 hộ, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 17,59% (kết quả điều tra tháng 10/2010); 100% xã, thị trấn thuộc vùng khó khăn, thời tiết khắc nghiệt, thiên tai hạn hán mất mùa, dịch bệnh ở gia súc, dịch cúm ở gia cầm thường xuyên xảy ra.

Tuy trong những năm qua, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng có phát triển và được quan tâm nhiều nhưng vẫn còn chậm, chưa thật sự bền vững, vẫn còn một số nơi đường giao thông không thuận lợi; trình độ dân trí ở một số thôn buôn còn thấp, không đồng đều; một số cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao nhưng giá cả rất bấp bênh, do chưa có quy hoạch định hướng từ các cơ quan chuyên môn cho từng vùng trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi mà chủ yếu là do tự phát của người dân.

Mặt khác, do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát gia tăng, giá cả thị trường biến động mạnh, sản phẩm chủ lực trên địa bàn huyện là từ cây cà phê, cao su nhưng giá cao su và cà phê liên tục bị mất giá nhiều năm liền làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống nhân dân.

II. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình

Cùng với cả nước, Chương trình giảm nghèo và việc làm luôn được coi là chương trình trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Lắk nói chung và của huyện Krông Năng nói riêng. Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và các sở, ban ngành của tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác an sinh xã hội và Chương trình Giảm nghèo bền vững như:

- Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020; Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

- Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

- Nghị quyết số 47/2011/NQ-HĐND ngày 22/12/2011 của HĐND tỉnh về giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011- 2015;

- Công văn số 4237/UBND-VHXXH ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh về việc Quy định định mức và Hướng dẫn thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ...

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và các sở, ban ngành của tỉnh. Trong những năm qua, Ban chỉ đạo giảm nghèo và việc làm của huyện đã tham mưu cho Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành cụ thể như:

- Từ năm 2008, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1148/QĐ-UBND, ngày 11/6/2008, V/v Thành lập Ban Điều hành giảm nghèo và việc làm huyện Krông Năng để chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện gồm 16 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách văn hoá - xã hội làm Trưởng Ban;

- Huyện uỷ có Chương trình số 16-CTr/HU, ngày 20/4/2012 về giảm nghèo giai đoạn 2012-2015;

- HDND huyện có Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND, ngày 13/7/2012, Nghị quyết giảm nghèo bền vững huyện Krông Năng giai đoạn 2012-2015;

- Đề án số 03/ĐA-UBND, ngày 30/12/2010, của UBND huyện về thực hiện Đề án giảm nghèo giai đoạn 2011-2015; ...

III. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện

1. Tình hình triển khai

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hằng năm, Ban Chỉ đạo giảm nghèo và việc làm đã tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch giảm nghèo, các văn bản triển khai thực hiện công việc cụ thể trong công tác giảm nghèo trên địa bàn.

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác giảm nghèo để giúp cấp ủy, chính quyền tập trung chỉ đạo công tác giảm nghèo thống nhất từ huyện đến cơ sở. Đến nay, 12 xã, thị trấn đều đã kiện toàn và có Ban chỉ đạo công tác giảm nghèo.

Tổ chức thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo quy định tại Quyết định số: 09/2011/QĐ- TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn năm 2011- 2015; Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 và Thông tư số 24/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2014 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

Hằng năm, các phòng ban chuyên môn đã tham mưu UBND huyện tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực, phổ biến các chính sách mới về giảm nghèo,

bảo trợ xã hội cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, cán bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, lãnh đạo UBND các xã, thị trấn, trưởng phó các thôn buôn, tổ dân phố; trang bị, cấp phát tài liệu tập huấn, các văn bản chỉ đạo, cập nhật các chính sách mới thường xuyên cho các cán bộ để thuận tiện trong quá trình thực hiện ở cơ sở.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đầu tư, cho vay vốn kịp thời đúng mục đích, đúng đối tượng cho các xã đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo tới đối tượng thụ hưởng, nhằm đảm bảo an sinh xã hội tiến tới giảm nghèo và giảm nghèo bền vững.

2. Kết quả thực hiện

Ngay từ đầu giai đoạn 2011-2015, mục tiêu giảm hộ nghèo của Huyện đã được Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ VI đề ra, bình quân mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2,5 đến 3%/năm. Sau 5 năm triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo (giai đoạn 2011-2015) theo chuẩn hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn Huyện đã giảm đáng kể, cụ thể:

Đầu giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện 17,59% (kết quả tổng điều tra rà soát tháng 10/2010), cuối năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 14,02%, cuối năm 2012 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 11,81%, cuối năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 10,37%, cuối năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 8,39%, đến cuối năm 2015 giảm còn 3,07% (bình quân mỗi năm giảm 2,9%, có số liệu chi tiết kèm theo).

Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2011-2015 đạt được những kết quả trên là nhờ sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong toàn Huyện; sự phối hợp đồng bộ, kịp thời của các cấp, ngành trong quá trình triển khai thực hiện những chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo. Cụ thể như sau:

2.1. Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo:

Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã thực hiện công tác cho người nghèo vay vốn tín dụng; Thực hiện chương trình dự án Quốc gia về vay vốn ưu đãi, tạo công ăn việc làm cho người nghèo, Ban chỉ đạo giảm nghèo của huyện cùng với Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã tổ chức triển khai giải quyết cho vay vốn ưu đãi với tổng số tiền quay vòng là 247.561 triệu đồng.

Cơ cấu doanh số cho vay và dư nợ theo các chương trình tín dụng như sau:

a) Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ : Nghị định về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác: với doanh số cho vay 81.741 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 45.800 triệu đồng.

b) Cho vay học sinh – sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo Quyết định 157/2007: với doanh số cho vay 26.044 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 34.749 triệu đồng.

c) Cho vay giải quyết việc làm theo Quyết định 71/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù: với doanh số cho vay 6.266 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 4.805 triệu đồng.

d) Cho vay xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài: với doanh số cho vay 159 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 129 triệu đồng.

e) Cho vay NS&VSMT theo Quyết định 62/2004: với doanh số cho vay 24.840 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 22.522 triệu đồng.

f) Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008: với doanh số cho vay 328 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 8,228 triệu đồng.

g) Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn theo Quyết định 31/2007: với doanh số cho vay 53.274 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 37.769 triệu đồng.

h) Cho vay DTTS ĐBKK theo Quyết định 32/2007: với doanh số cho vay 404 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 276 triệu đồng.

i) Cho vay thương nhân HĐ TM tại vùng khó khăn theo Quyết định 92/2009: với doanh số cho vay 2.080 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 645 triệu đồng.

k) Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định 15/2013: với doanh số cho vay 45.692 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 43.290 triệu đồng.

l) Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định 28/2015: với doanh số cho vay 6.733 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2015 là: 6.673 triệu đồng.

2.2. Chính sách bảo hiểm y tế:

Giai đoạn 2011-2015 đã triển khai cấp thẻ bảo hiểm y tế với số lượng là 221.230 lượt người; Trong đó: người nghèo là: 28.212 lượt người, DTTS là 186.463 lượt người, thuộc diện hộ thoát nghèo lên cận nghèo theo Quyết định 705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là: 3.539 hộ; hộ cận nghèo theo Quyết định 797/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là: 3.016 lượt người; công tác khám chữa bệnh cho nhân dân nói chung, người nghèo nói riêng thường xuyên Đảng bộ, chính quyền các cấp quan tâm. UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, bệnh viện Đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện tổ chức khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT, miễn phí cho người nghèo, đồng thời triển khai thực hiện tốt các chương trình quốc gia về y tế đối với hộ nghèo.

2.3. Về giáo dục – đào tạo:

Thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ V/v miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2015. Năm 2011-2015, huyện đã tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định 49; Triển khai cấp phát sách giáo khoa, vở viết và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49 cho học sinh, sinh viên với tổng số tiền đã chi trả 45.635.995.455 đồng.

2.4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo:

Thực hiện Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND, ngày 9/7/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định mức sinh hoạt phí hàng tháng và nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo, 12/12 các xã, thị trấn đã bố trí cán bộ làm công tác giảm nghèo với mức phụ cấp là 1.150.000 đồng/tháng.

Hàng năm UBND huyện tổ chức hội nghị tập huấn điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nghèo cho thôn, buôn, tổ dân phố và điều tra viên, cán bộ làm công tác giảm nghèo để chuẩn bị cho công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện đạt kết quả. Ngoài ra UBND các xã, thị trấn chủ động tập huấn lại cho trưởng thôn, buôn, tổ dân phố và điều tra viên trong quá trình thực hiện.

2.5. Công tác Lao động - Việc làm:

- Thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm dạy nghề của huyện đã tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 31 lớp với tổng số 1.085 học viên đăng ký tham gia học nghề đạt 100% kế hoạch được giao, trong đó: nghề nông nghiệp là 15 lớp với 525 học viên, nghề phi nông nghiệp 15 lớp với 525 học viên, Tin học 01 lớp với 35 học viên (thuộc đối tượng đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công chức xã theo Quyết định 1956). Nhìn chung kết quả sau đào tạo người lao động đã biết vận dụng được những kiến thức đã được học vào sản xuất cũng như một số học viên tham gia học nghề phi nông nghiệp đã tìm được việc làm mới, có thêm thu nhập góp phần ổn định kinh tế gia đình cũng như giải quyết việc làm cho lao động có nhu cầu việc làm ở nông thôn.

- Giải quyết việc làm cho hơn 8.000 lao động chủ yếu cho các cơ sở mở rộng sản xuất, chuyển đổi mô hình canh tác hoặc thiếu lao động thời vụ trong thời gian thu hoạch cà phê, làm công nhân tại một số công ty như: Công ty TNHH MTV cà phê 49, Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk.

- Phối hợp với công ty Xuất nhập khẩu Hải Dương - Chi nhánh Hà Nội triển khai tuyên truyền phổ biến người dân trên địa bàn huyện tham gia các chương trình xuất khẩu lao động làm việc ở nước ngoài có thời hạn. Đến nay đã có hơn 50 lượt lao động đang làm việc có thời hạn tại các nước trong khu vực Đông nam Á.

2.6. Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở:

a) Theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện Công văn số 1668/SXD-QLN, ngày 03/9/2015 của Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị rà soát, bình xét, phê duyệt danh sách hộ nghèo hỗ trợ nhà ở theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2011-2015 để thực hiện chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2, UBND huyện đã triển khai cho các xã, thị trấn tổ chức bình xét, lập danh sách hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện; đã tổng hợp và lập danh sách 680 hộ gửi về UBND tỉnh chờ phê duyệt.

b) Hỗ trợ nhà ở trích từ quỹ “ vì người nghèo”:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện phối hợp với các ngành chức năng vận động cán bộ và nhân dân tham gia xây dựng “Quỹ vì người nghèo” hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết cho các đối tượng thuộc hộ nghèo cụ thể như sau:

Năm 2011: 21 nhà, tổng số tiền 865.000.000 đồng;

Năm 2012: 76 nhà, tổng số tiền 3.000.000.000 đồng;

Năm 2013: 41 nhà, tổng số tiền 1.721.000.000 đồng;

Năm 2014: 21 nhà, tổng số tiền 1.330.000.000 đồng;

Năm 2015: 23 nhà, tổng số tiền 1.610.000.000 đồng;

2.7. Công tác hỗ trợ, cứu trợ đột xuất cho người nghèo:

Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Quyết định 268/QĐ-TTg, ngày 23/02/2011; Quyết định 28/QĐ-TTg, ngày 07/4/2014; Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Đã triển khai và lập danh sách hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số vùng chưa có điện lưới để hỗ trợ tiền điện trong giai đoạn 2011-2015 với tổng kinh phí đã chi trả là: 5.111.136.000 đồng.

Hàng năm UBND huyện cấp gạo cứu đói dịp tết và giáp hạt cho nhân dân với tổng số gạo đã cấp là: 304.455 kg gạo.

Năm 2014, Quỹ Thiện Tâm – tập đoàn Vingroup tài trợ 50 con bò cái giống cho hộ nghèo với tổng số tiền khoản 750.000.000đồng.

2.8. Trợ giúp pháp lý cho người nghèo:

- Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk tiến hành khảo sát đối tượng cần trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã, thị trấn, đồng thời tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động cho người nghèo; đã có trên 65% người nghèo được trợ giúp pháp lý với hơn 1.150 lượt người tham gia. Cụ thể theo từng năm như sau:

+ Năm 2011 tổ chức trên địa bàn 04 xã (xã Ea Puk, Dlièya, Ea Hồ, Cu Klông) với 220 lượt người.

+ Năm 2012 tổ chức trên địa bàn 05 xã (xã Ea Puk, Dlièya, Ea Hồ, Cu Klông, Ea Dăh) với 270 lượt người.

+ Năm 2013 tổ chức trên địa bàn 03 xã (xã Ea Puk, Dlièya, Ea Hồ) với 180 lượt người.

+ Năm 2014 tổ chức trên địa bàn 04 xã (xã Ea Puk, Dlièya, Ea Hồ, Cu Klông) với 240 lượt người.

+ Năm 2015 tổ chức trên địa bàn 04 xã (Dlièya, Ea Hồ, Cu Klông, thị trấn Krông Năng) với 240 lượt người.

- Triển khai tổ chức hội nghị đối thoại giữa người nghèo với các cơ quan chức năng của huyện tại các xã: Dlièya, Ea Tam, Ea Dăh. Phòng LĐ-TB&XH đã tham mưu cho UBND huyện tổ chức 6 buổi đối thoại người nghèo tại 6 xã gồm: Ea

Púk, Ea Dăh, Dliêya, Ea Tam, Cư Klông và xã Ea Hồ với hơn 600 lượt người tham gia.

2.9. Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo chương trình 134, 135 của chính sách dân tộc.

- Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chương trình 135 trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2015 với tổng nguồn vốn hỗ trợ là: 2.869,5 triệu đồng; Trong đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ 2.688 triệu đồng, vốn dân đóng góp với tổng số tiền là: 181,5 triệu đồng.

- Thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng theo Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015, 7 xã, thị trấn được phê duyệt 46 công trình chủ yếu là nâng cấp, duy tu bảo dưỡng với các công trình như: giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa, y tế, giáo dục, chợ ngân sách trung ương hỗ trợ với tổng số tiền là: 18,400 triệu đồng.

- Nguồn vốn EU: Đầu tư xây dựng công trình giao thông liên thôn Xuân Hà 3 - Giang Hà, xã Ea Dăh. Tổng mức đầu tư xây dựng 524 triệu đồng, quy mô dài khoảng 4 km đường nhựa, tiến độ thực hiện đến nay đạt khoảng 100%.

- Theo kế hoạch sẽ giải quyết cấp đất sản xuất cho các hộ cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trong các năm cụ thể như sau:

- + Năm 2011, đã cấp đất sản xuất cho 30 hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tại Tiểu khu 314 thuộc xã Cư Klông theo chủ trương của tỉnh, mỗi hộ được cấp 05 sào với tổng diện tích đã cấp là 15 ha (đối tượng cấp: là những hộ đồng bào DTTS tại chỗ thuộc xã Ea Hồ thực sự không có đất sản xuất)

- + Năm 2012, UBND huyện đã tổ chức giao đất sản xuất 02 đợt tại Tiểu khu 340a, 340b thuộc xã Ea Púk và xã Ea Dăh cho 171 hộ.

- + Tháng 10 năm 2013 giao đất sản xuất cho 30 hộ tại khoảnh 4 và khoảnh 9, Tiểu khu 311 (xã Ea Hồ 09 hộ và Thị trấn Krông Năng 21 hộ). Đối tượng là những hộ có diện tích đất từ 1 sào đến dưới 3 sào.

- + Như vậy, tính đến thời điểm ngày 31/12/2013: UBND huyện đã giải quyết cấp đất ở và đất sản xuất được 231 hộ, trong đó đã cấp dứt điểm cho những hộ hoàn toàn không có đất sản xuất thuộc xã Ea Hồ và thị trấn Krông Năng.

- + Năm 2015 Chính sách cấp đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, đã phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức giao đất ở và đất sản xuất cho 45 hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tại xã Ea Hồ và thị trấn Krông Năng thực sự thiếu đất sản xuất tại khoảnh 3,4,5 thuộc Tiểu khu 311 xã Cư Klông, trong đó xã Ea Hồ 25 hộ, thị trấn 20 hộ, định mức giao là 5000m² (đã bao gồm 400m² đất ở).

- Giải quyết cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân tộc thiểu số gặp khó khăn về nước sinh hoạt với hình thức là hỗ trợ kinh phí để người dân mua bồn đựng nước, tự đào giếng và xây bể, định mức hỗ trợ là mỗi hộ dân 01 triệu đồng, cụ thể như sau:

*** Cấp hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán:**

- Thực hiện Quyết định 1592/QĐ-TTg, trong năm 2011 và 2012 huyện Krông Năng đã triển khai thực hiện cấp nước phân tán cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo gặp khó khăn về nước sinh hoạt với hình thức là hỗ trợ kinh phí để người dân mua bồn đựng nước, tự đào giếng và xây bể, định mức hỗ trợ là mỗi hộ dân 01 triệu đồng.

- Tổng số hộ dân thụ hưởng theo đề án 1592 là 608 hộ, kế hoạch kinh phí được phân bổ là: 608 triệu đồng.

- Trong năm 2011 và năm 2012, huyện đã triển khai cấp hỗ trợ cho 608 hộ (trong đó: 568 hộ mua bồn đựng nước, 33 hộ đào giếng và 07 hộ xây bể) tương đương với kinh phí đã thực hiện là 608 triệu đồng.

- Năm 2015, đã triển khai hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho hộ đồng bào Dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện trong 02 đợt.

- Tổng số hộ được hỗ trợ: 1.502 hộ. Với tổng kinh phí hỗ trợ trong 02 đợt là: 1.952.600.000 đồng. Trong đó:

***Đợt 1:**

- Tổng số hộ được hỗ trợ: 943 hộ.

- Đối tượng được hỗ trợ: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Hình thức nhận hỗ trợ: Nhận lu, tạc đựng nước.

- Định mức hỗ trợ: 1.300.000đ/hộ (Một triệu, ba trăm ngàn đồng/hộ).

- Tổng kinh phí hỗ trợ là: 1.225.900.000đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn).

*** Đợt 2:**

- Tổng số hộ được hỗ trợ: 559 hộ.

- Đối tượng được hỗ trợ: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Hình thức nhận hỗ trợ: Nhận lu, tạc đựng nước.

- Định mức hỗ trợ: 1.300.000đ/hộ (Một triệu, ba trăm ngàn đồng/hộ).

- Tổng kinh phí hỗ trợ là: 726.700.000 đồng (Bảy trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm ngàn đồng chẵn).

*** Cấp nước sinh hoạt tập trung:**

Năm 2011 và năm 2012 đã triển khai thực hiện đầu tư 05 công trình nước sinh hoạt tập trung cho 05 thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, đó là công trình nước tập trung thuộc Buôn Wiao A và Buôn Ur - Thị trấn Krông Năng, công trình nước Buôn Kai - xã Ea Tóh, công trình nước Buôn Đét - xã Ea

Tân và công trình nước Thôn Tam hợp - xã Cư Klông. Qui mô của 05 công trình trên đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho hơn 300 hộ dân. Tổng mức đầu tư 05 công trình là 5.250 triệu đồng. Trong đó ngân sách tỉnh đã bố trí đến ngày 30/8/2014 là 2.785 triệu đồng, ngân sách huyện đã bố trí 600 triệu đồng, số vốn còn lại thuộc ngân sách huyện chưa bố trí là 1.646 triệu đồng. Hiện tại đã bàn giao đưa vào sử dụng 03 công trình đó là Buôn Wiao A và Buôn Ur - Thị trấn Krông Năng và Buôn Đét - xã Ea Tân.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành rất nhiều chính sách, dự án về giảm nghèo bền vững, các chính sách, dự án này đã được thực hiện khá đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn huyện; các cơ quan, ban, ngành huyện đã tích cực thực hiện lồng ghép nhiều giải pháp với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội tốt hơn. Trong quá trình triển khai thực hiện đến cơ sở đã thể hiện những mặt ưu điểm nhất định và cũng có không ít những khó khăn vướng mắc đó là:

1. Những ưu điểm trong quá trình triển khai thực hiện chương trình:

- Công tác giảm nghèo được các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể và nhân dân quan tâm, tham gia vào cuộc; đã được xã hội hóa và được thực hiện cơ bản kịp thời góp phần thúc đẩy giảm nghèo nhanh. Huyện cũng đã triển khai thực hiện nhiều cơ chế, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo, từ đó giải quyết kịp thời các vấn đề cơ bản, bức xúc của hộ nghèo, hộ cận nghèo như về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, khám, chữa bệnh, học tập, vay vốn, cơ sở hạ tầng....

- Nguồn lực của nhà nước cũng như nguồn lực huy động từ xã hội cho công tác giảm nghèo tương đối lớn, ngân sách phân bổ năm sau cao hơn năm trước và có sự đầu tư tập trung, trọng điểm theo thứ tự ưu tiên đối với thôn, xã đặc biệt khó khăn.

- Các chế độ, chính sách giảm nghèo giải quyết cơ bản kịp thời, đúng quy định. Trong quá trình thực hiện công tác giảm nghèo, có nhiều địa phương đã cụ thể hóa chủ trương thành Nghị quyết, chương trình, kế hoạch,... của địa phương và triển khai một cách khoa học, phù hợp thực tiễn, phát huy dân chủ, tổ chức thực hiện đồng bộ, kịp thời, sáng tạo, hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chương trình cải cách hành chính trong việc theo dõi, quản lý đối tượng và công khai các chế độ, chính sách giảm nghèo.

- Công tác theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đánh giá rút kinh nghiệm trong công tác giảm nghèo được một số địa phương chú trọng thực hiện theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện theo Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND huyện ngày 13/7/2012.

- Về tỷ lệ hộ nghèo cả giai đoạn giảm bình quân 2,9%/năm, đạt 96,6% kế hoạch (chỉ tiêu theo Nghị quyết là 3%/năm).

- Đến cuối năm 2015 không có xã nào có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% trở lên, đạt 100% kế hoạch.

- Hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn tín dụng ưu đãi đã được ngân hàng chính sách tổ chức giải quyết cho vay đạt 100% kế hoạch.

- 100% hộ nghèo khi ốm đau được khám chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở y tế công lập, đạt 100% kế hoạch.

- Có hơn 5.000 lượt người nghèo được hỗ trợ các hoạt động dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, được chuyển giao kỹ thuật và hướng dẫn phát triển kinh tế hộ gia đình, đạt 100% kế hoạch.

- 100% học sinh thuộc hộ nghèo được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng theo quy định đạt 100% kế hoạch.

- 100% người nghèo được miễn học phí khi tham gia học nghề, đạt 100% kế hoạch.

- Đã có 2.165 lượt cán bộ tham gia làm công tác giảm nghèo các cấp được tập huấn nâng cao năng lực, hướng dẫn phương thức sản xuất tiên bộ, đạt 108% kế hoạch.

3. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

3.1. Khó khăn, hạn chế:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về giảm nghèo ở một số địa phương còn hạn chế, còn một số cấp uỷ, chính quyền chưa thật sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt, việc lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với Chương trình giảm nghèo ở một số địa phương còn ít.

- Hiện nay, người nghèo đang được hưởng thụ nhiều chính sách hỗ trợ, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ trực tiếp (chính sách BHYT, chính sách hỗ trợ giáo dục, chính sách hỗ trợ về nhà ở,...), dẫn đến tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, nên công tác rà soát, bình xét hộ nghèo hằng năm ở cơ sở gặp nhiều khó khăn.

- Kết quả giảm nghèo vẫn chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra; tốc độ giảm nghèo không đồng đều giữa các vùng, khu vực trong Huyện; vùng khó khăn, vùng nghèo chưa có điều kiện để giảm nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn chênh lệch lớn giữa các vùng, địa phương.

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Điều kiện tự nhiên, địa hình của huyện miền núi có nhiều phức tạp, đi lại khó khăn. Phong tục tập quán của đại bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chưa được tích cực đổi mới, trình độ canh tác còn thấp kém.

- Nguồn lực để thực hiện các mục tiêu thuộc Chương trình giảm nghèo còn hạn chế, việc huy động nguồn lực xã hội hoá đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa được tương xứng với tiềm năng của một số địa phương.

- Công tác phối kết hợp giữa các ban ngành, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và địa phương trong việc thực hiện công tác giảm nghèo chưa thực sự chặt chẽ và đồng bộ. Công tác kiểm tra giám sát của các cấp trong việc triển khai thực hiện chương trình còn hạn chế.

- Chưa có sự phối hợp lồng ghép giữa công tác cho vay vốn với công tác khuyến nông, lâm, ngư và tập huấn hướng dẫn cách làm ăn nên việc sử dụng vốn vay của hộ nghèo còn kém hiệu quả...

3.2. Nguyên nhân

- Do xuất phát điểm về Kinh tế- Xã hội của huyện thấp, điều kiện tự nhiên không thuận lợi (thiên tai, dịch bệnh, thường xuyên xảy ra trên diện rộng); số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, thôn, xã khó khăn của huyện nhiều (12/12 xã, thị trấn thuộc vùng khó khăn).

- Với đặc trưng của huyện thuộc khu vực Tây nguyên, bị chia cắt bởi đồi núi, sông ngòi... giao thông khó khăn, kinh tế còn nhiều hạn chế, những khu vực tập chung chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số và có tỷ lệ hộ nghèo còn cao, người dân phát triển kinh tế chủ yếu dựa vào nông - lâm nghiệp...

- Đa số chủ hộ nghèo không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, hoặc nắm bắt khoa học kỹ thuật còn chậm; một số đồng bào dân tộc thiểu số còn lưu giữ và làm việc theo các phong tục tập quán cổ xưa, lạc hậu; trình độ canh tác còn thấp kém, chưa biết vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; một số hộ nghèo còn thiếu lao động, đông người ăn theo (do đông con, những con còn nhỏ), thiếu vốn; thiếu đất sản xuất; cờ bạc rượu chè, lười lao động; không biết cách làm ăn, không có tay nghề; có lao động nhưng không có việc làm; Ốm đau nặng hoặc mắc tệ nạn xã hội....

- Một bộ phận nhỏ còn trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước... Đặc biệt có nhiều hộ không có khả năng thoát nghèo (có người già yếu, cô đơn, không có con cháu, có người tàn tật nặng, người tâm thần...).

C. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP GIẢM NGHEO GIAI ĐOẠN 2016-2020

Cuối năm 2015 Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội huyện đã tham mưu UBND huyện tổ chức triển khai tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các tiêu chí được quy định tại Quyết định số: 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2016- 2020.

Kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2016- 2020, hiện nay toàn huyện có 4.128 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 14,57%, hộ cận nghèo là 2.873 chiếm tỷ lệ 10,14% (trên tổng số hộ dân). Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số chiếm 54,75% hộ nghèo toàn huyện, tỷ lệ hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số chiếm 38,04% hộ cận nghèo toàn huyện.

Với tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên toàn huyện như hiện nay và các chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều hiện hành. Để đạt được tỷ lệ giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời gian tới đòi hỏi các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương cần phải đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, nhận diện đúng tình hình thực tế về đặc điểm, nguyên nhân nghèo của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo từ trên địa bàn, từ đó có những giải pháp cụ thể, phù hợp với thực tiễn địa phương.

I. Về mục tiêu:

Cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng khó khăn, vùng sâu, hộ nghèo, hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở vùng khó khăn; góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư; tạo cơ hội để hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định và đa dạng hóa việc làm, tăng thu nhập; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Thực hiện đồng bộ các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, các chính sách trợ giúp xã hội. Phấn đấu trở thành một trong những địa phương đi đầu trong công tác giảm nghèo bền vững. Cụ thể như:

- Huy động tốt các nguồn lực trợ giúp cho hộ nghèo, hộ thuộc diện không thể thoát nghèo (gồm những hộ cao tuổi, mất sức lao động, khuyết tật, ốm đau bệnh tật, không có sức lao động); Duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung toàn huyện mỗi năm từ 2%-2,5%/năm; giảm tỷ lệ hộ cận nghèo mỗi năm từ 1,5- 2%; phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện dưới 5%.

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh để cải thiện điều kiện sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Thông qua các chiến lược, chương trình phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo hợp lý về chênh lệch giàu nghèo giữa các khu vực thành thị và nông thôn, khuyến khích tăng hộ khá, giàu, giảm hộ nghèo.

II. Nhiệm vụ:

Căn cứ các tiêu chí chuẩn nghèo được quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 chúng ta cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Cần tập trung, ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, có trọng tâm để thay đổi điều kiện kinh tế - xã hội cơ bản cho các thôn, xã cùng với chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về dạy nghề, tạo việc làm, hỗ trợ khoa học kỹ thuật và vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh và hướng đến xuất khẩu lao động; đồng thời xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả để hộ nghèo, hộ cận nghèo học tập, tham gia; kết hợp giải quyết tốt các

chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội khác để thúc đẩy giảm nghèo nhanh và bền vững.

3. Tăng cường, đa dạng về hình thức và nội dung trong công tác truyền truyền để tuyên truyền chủ trương, chính sách giảm nghèo, nhất là công tác tuyên truyền vận động hộ nghèo tự nhận thức về trách nhiệm bản thân để chủ động, tự nguyện đăng ký thoát nghèo bền vững.

4. Thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát, phân loại hộ nghèo và hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo mới, đồng thời áp dụng phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu và được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

5. Thực hiện đồng bộ công tác giảm nghèo từ cấp huyện đến cấp xã; tổ chức đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, ưu tiên cho cán bộ cấp xã ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả giảm nghèo; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện công tác giảm nghèo; khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể điển hình, gương mẫu trong thực hiện công tác giảm nghèo.

III. Giải pháp thực hiện:

1. Giải pháp về tổ chức thực hiện

a) Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt, hiệu quả Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) *một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*; cụ thể hoá các Chương trình hành động, Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, HĐND các cấp về đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững tại địa phương. Tăng cường sự phối kết hợp của các tổ chức hội, đoàn thể như UBMTTQVN, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên,...

b) Tiếp tục triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách của trung ương và của địa phương về giảm nghèo nhanh và bền vững, đặc biệt là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo của quốc gia; chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững. Ban chỉ đạo giảm nghèo phối hợp với các phòng chuyên môn xây dựng đề án giảm nghèo cụ thể cho giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện.

c) Đa dạng về hình thức và nội dung trong công tác truyền truyền để tuyên truyền chủ trương, chính sách giảm nghèo, nhất là công tác tuyên truyền vận động hộ nghèo nhận thức về trách nhiệm phát triển kinh tế hộ gia đình của bản thân để chủ động, tự nguyện đăng ký thoát nghèo bền vững.

d) Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát của Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp đối với kết quả điều tra hàng năm; xây dựng đội ngũ điều tra viên có đủ năng lực, đạo đức, trình độ chuyên môn, am hiểu địa bàn, thực tế để trực tiếp thực hiện điều tra, rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo chính xác, công bằng, không bỏ sót đối tượng.

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trực tuyến; phần mềm theo dõi tình hình (tiến độ, kết quả) thực hiện chương trình, chính sách giảm nghèo; phần mềm thực hiện chính sách khuyến khích thoát nghèo của Văn phòng giảm nghèo Trung ương và mở trang thông tin điện tử về giảm nghèo của huyện để công khai đối tượng và tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách giảm nghèo.

f) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo để phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo kịp thời, đúng tiến độ và đúng quy định (đối tượng, chế độ, nội dung hỗ trợ, đầu tư...).

g) Tổ chức tổng kết, đánh giá để có cơ sở tiếp tục triển khai thực hiện đối với các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội có hiệu quả, tác động tích cực đến giảm nghèo bền vững; đồng thời đề ra biện pháp, giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, đặc biệt là công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai của các cấp ủy, chính quyền, các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện và công tác giám sát của HĐND, UBMTTQ, đoàn thể và nhân dân.

2. Giải pháp về vốn

a) Thực hiện tốt công tác giao kế hoạch vốn từ đầu năm cho các đơn vị, đề chủ động tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo trên cơ sở lập kế hoạch giảm nghèo theo đúng quy trình.

b) Tập trung ưu tiên bố trí nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội các vùng khó khăn, khu vực vùng sâu, kết hợp lồng ghép các nguồn lực của các chương trình. Trên cơ sở có khảo sát, phân loại, sắp xếp trước sau để tránh được tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán nguồn lực.

c) Tiếp tục vận động nhiều nguồn lực để phục vụ thực hiện công tác giảm nghèo như vận động Quỹ "Ngày vì người nghèo", vận động các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp trên địa bàn nhận đỡ đầu trong việc hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình kết nghĩa với các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; phát huy tinh thần trách nhiệm của đơn vị kết nghĩa, các hội, đoàn thể để đa dạng nội dung hỗ trợ cho hộ nghèo và thôn, xã đặc biệt khó khăn.

Có thể nhận thấy, với việc triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách, dự án thuộc khung chương trình giảm nghèo, cùng với các chương trình phát triển kinh tế-xã hội của huyện, sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận và các Hội, đoàn thể thông qua chương trình hành động và sự nỗ lực vươn lên của người nghèo ở các xã, thị trấn trong huyện, trong 05 năm thực hiện các chương trình giảm nghèo, bộ mặt nông thôn trên địa bàn huyện đã có nhiều đổi mới, tiến bộ, các xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về cơ sở hạ tầng và việc tổ chức phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Người dân ở nhiều xã vùng sâu đã thay đổi căn bản trong tập quán sản xuất, biết tính toán, biết lựa chọn loại hình sản xuất phù hợp của hộ gắn với yếu tố thị trường, mạnh dạn hơn trong việc ứng dụng giống mới và tiếp cận với các dịch vụ kỹ thuật, khắc phục đáng kể tình trạng sản xuất tự túc, tự cấp, quen dần với sản xuất hàng hoá. Người nghèo đã được hỗ trợ cải thiện một bước về điều kiện sống,

tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập; một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng (nhà ở, nước sinh hoạt, khám chữa bệnh, học tập...).

Về lâu dài, tác động của chương trình giúp người nghèo có được cơ hội tự vươn lên, tạo thu nhập để phát triển, vượt qua tình trạng nghèo đói, tự giải quyết những nhu cầu thiết yếu của gia đình và bản thân. Kết quả trên đã góp phần quan trọng vào ổn định chính trị và không ngừng củng cố quốc phòng - an ninh, tạo được tiền đề cơ bản cho những năm tiếp theo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, phấn đấu đến năm 2020, Krông Năng thoát nghèo theo đúng chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ VII đã đề ra.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Cấp tỉnh nên tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo về y tế, giáo dục theo hướng: Duy trì chính sách hỗ trợ đóng BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHYT (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức đóng; Ngân sách trung ương đã hỗ trợ đóng 70% theo Quy định của Luật BHYT).

2. Có các Chính sách khuyến khích hộ gia đình đăng ký thoát nghèo trên cơ sở làm tốt công tác điều tra xác định hộ nghèo, hộ thoát nghèo bền vững và công tác tuyên truyền vận động, thuyết phục để hộ nghèo thuộc diện chính sách giảm nghèo tự nguyện đăng ký tham gia và tự lực, khắc phục khó khăn vươn lên thoát nghèo bền vững; quy định hỗ trợ có điều kiện (thời gian, điều kiện hỗ trợ) trong thực hiện chính sách giảm nghèo đối với hộ nghèo nhằm khắc phục tình trạng một bộ phận hộ nghèo không muốn thoát nghèo nhiều năm liền để hưởng chính sách.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp chính sách để hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo cao chưa được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

4. Ban chỉ đạo giảm nghèo ở mỗi cấp cần có Quy chế hoạt động và được bố trí kinh phí như đối với BCD Chương trình xây dựng nông thôn mới.

5. Cấp tỉnh có cơ chế cho phép mỗi xã, thị trấn 01 cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo, theo chế độ hợp đồng, thay cho hưởng phụ cấp như hiện nay.

Trên đây là báo cáo tổng kết 5 năm triển khai thực hiện. Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2016-2020 của Ban chỉ đạo giảm nghèo và việc làm huyện Krông Năng. *Muo*

Nơi nhận: *th*

- UBND tỉnh;
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐ VP HĐND&UBND huyện;
- TV BCD giảm nghèo của huyện;
- Lưu VT, PDT.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Thị Đông